| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN K**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 100/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15/7/2021
V/v Xin ly hôn và tranh chấp nợ

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Pho.

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Lê Thị Bích Ngọc.

2. Ông Nguyễn Văn Đạt.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:*** Thuộc trường hợp không tham gia.

Trong các ngày 28 tháng 5, ngày 25 tháng 6 và ngày 15 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc: "Xin ly hôn và tranh chấp nợ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 39/TB-TA ngày 10/6/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Tổ 8, ấp Cống Tre, xã Kiên Bình, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

*2. Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn H, sinh năm: 1956. Địa chỉ: Tổ 8, ấp Cống Tre, xã Kiên Bình, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

*3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Châu Văn S, sinh năm: 1960. Địa chỉ: Khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

*- Bà Huỳnh Thị Thanh T trình bày*:

Bà T với ông Huỳnh Văn H chung sống với nhau từ năm 1998 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông H thường hay đánh đập

và chửi mắng bà T nhiều câu rất khó nghe. Thời gian gần đây ông H thường không cho bà T vào nhà, đôi lúc bà T về trể ông còn đánh bà T ngoài đường. Bà T cho rằng ông H là một người chồng độc đoán không còn tình nghĩa nên từ đầu tháng 01/2020 đến nay bà T đã sống ly thân với ông H. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể kéo dài được nữa. Vì vậy bà T xin được ly hôn với ông H.

Về con chung: Ông, bà có 01 người con chung tên Huỳnh Hữu Phước, sinh năm: 2000, hiện cháu đã lớn, cháu có quyền quyết định ở với cha hoặc mẹ, bà T không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà T có tham gia chơi hụi do ông Châu Văn S làm chủ, hiện tại bà T thừa nhận còn nợ ông S tổng số tiền hụi là 190.000.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn bà T xin trả dần cho đến khi nào hết nợ. Hụi này bà tự chơi nên bà sẽ tự chịu, không yêu cầu ông H phải chịu cùng bà.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

*- Tại bản khai và biên bản H giải ông Huỳnh Văn H trình bày:*

Ông H với bà Huỳnh Thị Thanh T chung sống với nhau từ năm 1998 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Gần đây bà T nhiều lần say xỉn ông H nói nhiều lần không nghe. Nhiều lúc bà T đi đám tiệc nhậu say không về nhà, đi từ tối đến sáng. Trong cuộc sống ông H là người gánh vác lo cho cuộc sống vợ con nhưng bà T đã không lo lắng, phụ giúp ông H mà còn suốt ngày giao du với bạn bè bỏ bê gia đình, vì vậy cuộc sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Thời gian gần đây, bà T bỏ đi khỏi nhà sống ly thân với ông H cho đến nay. Ông H nhận thấy rằng đối với một người muốn bỏ mình thì cũng không thể chung sống được nữa nên ông H cũng đồng ý ly hôn. Nếu bà T có ý muốn sửa chữa, thay đổi bản thân để lo cho cuộc sống gia đình thì ông H sẵn sàng tha thứ, quay về chung sống với bà T, bằng không thì ông H cũng xin ly hôn.

Về con chung: có 01 người con tên Huỳnh Hữu Phước, sinh năm: 2000, hiện cháu đang học đại học, do cháu đã lớn khôn nên ông H cũng không có yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Sự việc chơi hụi giữa bà T và ông Châu Văn S thì ông H hoàn toàn không biết, nên ông không có liên quan đến số nợ của bà T.

*- Ông Châu Văn S trình bày:*

Bà Huỳnh Thị Thanh T có tham gia chơi 01 đầu hụi do ông S làm chủ, loại hụi 10.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, gồm 24 đầu, bắt đầu khui từ ngày 04/5/2020, mãn hụi ngày 04/4/2022. Bà T hốt hụi đầu tiên, đóng được 04 lần đến

lần thứ 05 thì ngưng đóng. Nay bà T còn nợ lại ông S số tiền là 19 lần x 10.000.000 đồng = 190.000.000 đồng. Ông S không đồng ý cho bà T trả dần mà yêu cầu bà T phải trả một lần hết số tiền nợ hụi 190.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về việc "Xin ly hôn và tranh chấp nợ" theo khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đối với quan hệ hôn nhân của vợ chồng thì áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để xem xét, giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Đối với ông Huỳnh Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thanh T và ông Huỳnh Văn H chung sống với nhau nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mặt khác, cả bà T và ông H đều thừa nhận chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 và đến nay vẫn không đăng ký hết hôn. Do đó, hôn nhân giữa bà T và ông H đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 9 quy định: "*1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý; 2. Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn".* Bà T và ông H là những người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 14 quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này…".* Bà T có yêu cầu xin ly hôn nhưng hôn nhân giữa bà T và ông H không có đăng ký kết hôn, nên xét không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông H theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 53 quy định: "*1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về*

*tố tụng dân sự; 2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này."*

[4] Về con chung: Do con chung là cháu Huỳnh Hữu Phước đã trưởng thành, không bị hạn chế năng lực hành vị dân sự, ông, bà không yêu cầu xem xét, giải quyết nên miễn xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[6] Về nợ chung: Ông S yêu cầu một mình bà T trả số tiền nợ hụi 190.000.000 đồng, bà T thừa nhận nhưng chưa có khả năng trả nên xét buộc bà T phải trả số tiền này cho ông S là phù hợp, ông S không yêu cầu tính lãi nên miễn xét.

[7] Về án phí: Do bà Huỳnh Thị Thanh T có yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí 300.000 đồng. Do bà T bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí trên số tiền phải trả là 5% x 190.000.000 đồng. Ông S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

***Vì caùc leõ treân*,**

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:**

- Các Điều 357, 468, 471 của Bộ luật Dân sự;

- Các Điều 28, 35, 144, 146, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 14, 53, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Thị Thanh T và ông Huỳnh Văn H.

- Về con chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ: Buộc bà Huỳnh Thị Thanh T phải trả cho ông Châu Văn S số tiền là 190.000.000 đồng.

Kể từ ngày ông S có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà T không thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì bà T còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo mức lãi

suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí sơ thẩm: Buộc bà T phải chịu số tiền án phí hôn nhân là 300.000 đồng. Buộc bà T phải chịu số tiền án phí dân sự là 9.500.000 đồng. Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0009087 ngày 18/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, nên bà T còn phải nộp thêm số tiền án phí là 9.500.000 đồng. Ông S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.750.000 đồng theo lai thu số 0000415 ngày 25/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

- Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Thanh T, ông Châu Văn S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Huỳnh Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Pho**